

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD.

Số/ No.:

20251001/KTGD/FUEKIVFS-CBTT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 10 năm 2025
Ho Chi Minh City, October 01, 2025

**ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ State Securities Commission of Vietnam
Tòa: Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange
Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Investors

- Tên quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/ KIM GROWTH VNFINSELECT ETF
- Mã chứng khoán/*Securities symbol*: **FUEKIVFS**
- Tên Công ty Quản lý quỹ:
Fund Management company: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/
KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.
- Tên Ngân hàng giám sát/
Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/
Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date*: **30/09/2025**
- Đơn vị tính lô ETF/ *Unit*: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/
1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
I. Chứng khoán/ Securities			
1	ACB	5,700	7.83%
2	AGR	100	0.09%
3	APG	200	0.12%
4	BIC	200	0.29%
5	BID	400	0.87%
6	BMI	100	0.12%
7	BSI	100	0.25%
8	BVH	300	0.90%
9	CTG	1,100	3.01%
10	CTS	100	0.22%
11	DSE	200	0.31%
12	EIB	2,000	2.75%
13	EVF	1,000	0.71%
14	FTS	200	0.39%
15	HCM	400	0.57%
16	HDB	3,500	5.80%
17	LPB	3,800	9.75%
18	MBB	5,400	7.58%
19	MIG	100	0.09%
20	MSB	2,900	2.05%
21	NAB	1,800	1.42%
22	OCB	1,000	0.69%
23	ORS	400	0.30%
24	SHB	4,300	3.88%
25	SSB	2,100	2.20%
26	SSI	1,800	3.63%
27	STB	2,400	7.29%
28	TCB	5,200	10.81%
29	TCI	100	0.06%
30	TPB	1,900	1.92%
31	TVS	100	0.10%
32	VCB	1,200	4.03%
33	VCI	600	1.40%
34	VDS	100	0.12%
35	VIB	2,700	2.86%
36	VIX	2,000	3.87%
37	VND	1,500	1.78%
38	VPB	5,800	9.68%
	Tiền/ Cash (VND)	4,689,100	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and 1 lot of ETF in value*
+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value*: (VND) **1,858,690,000**
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF*: (VND) **1,863,379,100**
- Giá trị chênh lệch/ *Spread in value*: (VND) **4,689,100**

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread*
+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*
Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ *In case stock can be replaced by cash:*

STT No.	Mã chứng khoán <i>Securities code</i>	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ <i>Cash Substitution per share (VND)</i>	Đối tượng áp dụng/ <i>Applied to</i>	Lý do/ <i>Reason</i>
1	ACB	25,600	MAS,KIS	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
2	BIC	27,300	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
3	BID	40,300	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
4	BSI	46,400	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ <i>Restriction on buying treasury share without registration</i>
5	BVH	56,200	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
6	TCB	38,750	MAS,KIS	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	VCB	62,600	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
8	VCI	43,500	VCSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ <i>Restriction on buying treasury share without registration</i>
9	VIB	19,750	MAS,KIS	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>

- Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria:*

Chỉ tiêu/ <i>Criteria</i>	Kỳ này/ <i>This period (*)</i>	Kỳ trước/ <i>Last period (**)</i>	Chênh lệch/ <i>Difference</i>
	30/09/2025	29/09/2025	
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation units issued</i>			-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation units redeemed</i>			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Outstanding shares</i>	16,700,000	16,700,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ <i>Closing price</i>	18,760.00	18,710.00	50
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net asset value at valuation date</i>			
của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	311,184,309,752	310,761,031,032	423,278,720
của 1 lô CCQ ETF/ <i>per ETF creation unit</i>	1,863,379,100	1,860,844,497	2,534,603
của 1 CCQ/ <i>per Share</i>	18,633.79	18,608.44	25.35
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	3,200.64	3,191.99	8.65

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại
(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại

29/09/2025
28/09/2025

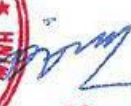
/ *Item 5 is net asset value at*
/ *Item 5 is net asset value at*

29/09/2025
28/09/2025

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ
Authorized Representative of Fund Management Company

S.G.P: 59
C.T. T. N.N.H
P. B. KHÁNH - T. P. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY
TNHH
QUẢN LÝ QUỸ
KIM VIỆT NAM



Yun Hang Jin
TỔNG GIÁM ĐỐC